TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H2 phúc**

Bản án số: 134 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thái;

2. Bà Võ Thị H1 Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Ch, sinh năm 1968; *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn P Th, xã Q T, huyện QS, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, bản tự khai, tại các phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị M tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện QS vào năm 1997. Trong thời gian chung sống, hai vợ cH1 không hợp nhau thường xuyên gây gỗ, nhưng ông vẫn cố nhường nhịn vợ để nuôi con, nhưng gần đây mâu thuẫn đã trầm trọng, bà M đưa con về nhà ngoại sinh sống từ đầu năm đến nay. Hiện nay ông, bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Ông và bà M có 03 con chung là Phạm Thị Kim Ph, sinh ngày 11/5/1998; Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 12/11/2002 và Phạm Thị H1 H2, sinh ngày 17/5/2006. Cháu Ph đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Ông có nguyện vọng nuôi cháu H2 nếu cháu muốn ở với ông và giao cháu H1 cho bà M nuôi dưỡng. Nếu bà M nuôi cả hai cháu H1 và H2 thì ông cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng để bà M nuôi cháu H2.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với điều kiện kết hôn mà ông Ch đã trình bày. Trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do ông Ch trọng nam khinh nữ, vì bà sinh được 03 con gái. Ông Ch nghe lời anh trai, đuổi 04 mẹ con ra khỏi nhà và bị gia đình bên ông Ch đánh đập nên bà đã về nhà mẹ đẻ từ tháng 01/2020 sống đến nay. Nay, ông Ch yêu cầu ly hôn bà đồng ý, vì cũng đã được Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng ông Ch vẫn cương quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Ch có 03 con chung như ông Ch đã trình bày. Cháu Ph đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Bà có nguyện vọng nuôi cháu H1, cháu H1 đến tháng 11/2020 đủ tuổi thành niên, nên bà tự nuôi không cần ông Ch cấp dưỡng. Đối với cháu H2, tùy cháu quyết định, nếu cháu H2 muốn ở với bà, bà đồng ý theo nguyện vọng của cháu, nhưng bà yêu cầu ông Ch cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng để nuôi cháu H2.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn

đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Phạm Ch. Về trách nhiệm nuôi con, đề nghị giao 02 cháu H1, H2 cho bà M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Phạm Ch phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Ch có quan hệ hôn nhân hợp pháp với bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Thôn P Th, xã Q T, huyện QS, tỉnh QN. Nay ông Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bà M, nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ch và bà M tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã QT, huyện QS, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/1997. Trong quá trình chung sống, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, tại phiên tòa ông Ch và bà M thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Ông Ch và bà M có 03 con chung là Phạm Thị Kim Ph, sinh ngày 11/5/1998; Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 12/11/2002 và Phạm Thị H1 H2, sinh ngày 17/5/2006. Cháu Ph đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Ch và bà M thỏa thuận bà M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu H1, H2 đến tuổi trưởng thành. Hiện tại hai cháu đang sống cùng mẹ, đều có nguyện vọng ở với mẹ, hai cháu đều là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về tâm, sinh lý của hai cháu H1, H2 nên giao 02 cháu cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M tự nhận nuôi cháu H1, chỉ yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi cháu H2 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Ch phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, Biên bản xác minh ngày 17/4/2020, Hội Liên hiệp phụ nữ xã Quế Thuận cung cấp thông tin: Hiện tại ông Ch làm nghề thợ hồ; thu nhập hằng tháng

của ông Ch bao nhiêu không rõ. Bà M cũng thừa nhận ông Ch là lao động phổ thông, thu nhập hằng tháng không ổn định, nên Hội đồng xét xử thấy mức cấp dưỡng cho cháu H2 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến tuổi trưởng thành, như ý kiến của ông Ch là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 08/2020.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Phạm Ch phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ch về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Ch và bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao hai cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 12/11/2002 và Phạm Thị H1 H2, sinh ngày 17/5/2006 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Ông Phạm Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng để bà M nuôi cháu H2, thời gian cấp dưỡng từ tháng 08/2020 đến khi cháu H2 đủ tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*.

Ông Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, tổng cộng là 600.000 *(Sáu trăm nghìn)* đồng, ông Ch phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ch đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007230 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Số tiền án phí ông Ch còn phải nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Thuận (Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 19/11/1997);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thọ